

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505
Năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKKD ngày đầu thành lập số 3903000041 ngày 09/08/2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/06/2021 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 5900320629
- Vốn điều lệ: **100.000.000.000, VNĐ**
- Địa chỉ: **Làng Tăng - Xã IaO - Huyện IaGrai - Tỉnh Gia Lai**
- Số điện thoại: **024.62.659.505**
- Website: **www.songda505.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **S55**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- a) **Ngày thành lập:** Thành lập theo quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/06/2004 của Bộ xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2004.
- b) **Thời điểm niêm yết:** Niêm yết ngày 22/12/2006 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- c) **Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:**
 - Năm 2007: Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2007 thông qua Nghị quyết tăng vốn Điều lệ từ 7.000.000.000, VNĐ lên 24.960.000.000, VNĐ.
 - Năm 2008: Thành lập Chi nhánh 555 ngày 20/10/2008.
 - Năm 2009: Thành lập Chi nhánh thí nghiệm vào ngày 06/01/2009, Chi nhánh 515 vào ngày 03/4/2009 và Chi nhánh 525 vào ngày 02/12/2009.
 - Năm 2013: Công ty cổ phần Sông Đà 5 thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 với 32,6% vốn điều lệ, trong năm Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ: 495.900 cổ phần làm giảm lượng cổ phiếu lưu hành đến 31/12/2013: 2.000.100 CP.
 - Năm 2014: Công ty bán toàn bộ 495.900, cổ phiếu với giá bình quân sau khi đã trừ phí giao dịch là: 73.856, đồng/CP thu về giá trị thặng dư vốn: 19.843.739.765, đồng.
 - Năm 2015: Công ty thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 24.960.000.000, VNĐ lên 49.920.000.000, VNĐ từ nguồn vốn thặng dư của Công ty; Thực hiện góp vốn đầu tư vào Công ty thương mại và đầu tư toàn cầu DATC để đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà tại tỉnh Lào Cai với số tiền 57,8/110 tỷ chiếm 52,6% để trở thành Công ty con của Công ty kể từ ngày 15/05/2015; Đấu giá mua lại cổ phần và nắm giữ 33,8% tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông để trở thành Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày 30/06/2015; thông qua việc giải thể Chi nhánh 555 kể từ 01/07/2015; Giải thể Chi nhánh thí nghiệm và Chi nhánh 525 kể từ 01/01/2016 nhằm cấu trúc lại tổ chức, giảm thiểu chi phí trung gian.
 - Năm 2016: Dự án thủy điện Bắc Nà tại Tỉnh Lào Cai gồm 2 tổ máy với công suất 17MW do Công ty đầu tư 52,6% vốn đã chính thức hòa lưới điện Quốc gia từ tháng 12/2016 với doanh thu phát điện ước tính 65-70 tỷ/năm.
 - Năm 2017: Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 49.920.000.000, VNĐ lên 59.903.490.000, VNĐ từ việc chi trả cổ tức năm 2016; Hoàn thành việc mua lại Công



ty CP ĐT và PT Việt Hoàng (nay là Công ty cổ phần EHULA) sau khi đã được UBND Tỉnh Lai Châu cấp chủ trương đầu tư dự án thủy điện Nậm Bùm 1 và Nậm Bùm 2.

- Năm 2018: Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 59.903.490.000, VNĐ lên 100.000.000.000, VNĐ từ việc phát hành 4.013.534 cổ phiếu với giá 15.000, VNĐ/1 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để sử dụng góp vốn đối ứng vào Công ty cổ phần EHULA để triển khai đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Bùm 1.

- Năm 2020: Hoàn thành phát điện thương mại 02 dự án bao gồm: Nhà máy thủy điện Bắc Nà 1 công suất 2,8MW (tháng 03/2020) và nhà máy thủy điện Nậm Bùm 1 công suất 16MW (tháng 7/2020).

- Năm 2021: Thành lập thêm công ty con Công ty Cổ phần xây dựng S55 với vốn điều lệ 20.000.000.000, VNĐ. Trong đó vốn đầu tư của công ty mẹ 19.600.000.000, VNĐ chiếm 98%. Công ty CP SĐ 505 giảm tỷ lệ góp vốn vào Cty CP Ehula, tỷ lệ góp vốn sau khi giảm là 75%, Tháng 7 năm 2021 hoàn thành phát điện thương mại dự án nhà máy thủy điện Nậm Bùm 2.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng
- Thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm

b) Địa bàn kinh doanh:

- Lĩnh vực đầu tư:

- Lĩnh vực Quản lý vận hành:

- + Nhà máy thủy điện Nậm Bùm 1+2 - Mường Tè - Lai Châu
- + Nhà máy thủy điện Nậm Cắt - Bạch Thông - Bắc Kạn
- + Nhà máy thủy điện K'ông K'mar - Krông Bông - Đắk Lắk
- + Nhà máy thủy điện Sông Ông - Ninh Sơn - Ninh Thuận

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty thực hiện việc quản trị theo đúng phân cấp được qui định trong điều lệ và các qui chế quản lý của Công ty đã ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật hiện hành đối với Công ty niêm yết và thực tế của đơn vị trên nguyên tắc các bộ phận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thống nhất và tuân thủ qui trình quản lý, cá nhân chịu trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành

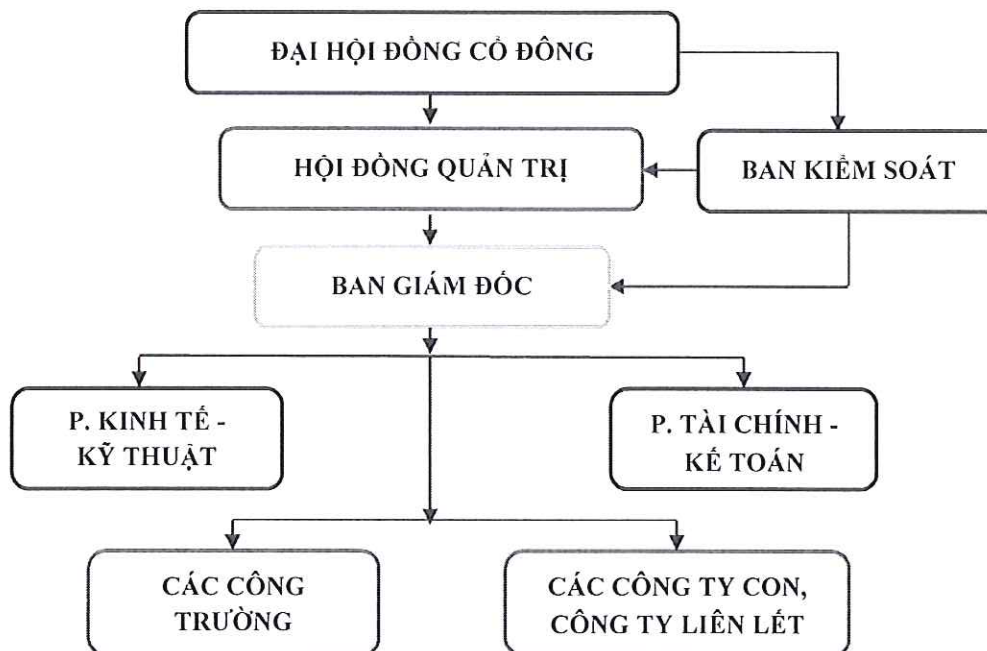
- Hội đồng quản trị: Thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra.

- Ban kiểm soát: Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Ban giám đốc: Đứng đầu là Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo qui định phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Các phòng chức năng: Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và quy định pháp luật

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



c) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: **Công ty cổ phần điện Bắc Nà** - Mã số thuế: 0102141313
 - Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nậm Thảng - Xã Bản Liền - Huyện Bắc Hà -Tỉnh Lào Cai.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
 - Vốn điều lệ: 155.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,18%.
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,18%.
 - Tình trạng hoạt động: Đang vận hành khai thác 02 dự án TĐ Bắc Nà và Bắc Nà 1.
- Công ty con: **Công ty cổ phần EHULA** - Mã số thuế: 6200065527
 - Địa chỉ trụ sở chính: Bản Nà Hừ 2, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu.
 - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế, thẩm định thiết kế và giám sát thi công các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 KV;
 - Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75%.
 - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75%.

- Tình trạng hoạt động: Vận hành khai thác nhà máy TD Nậm Bùm 1 (16MW) và đang đầu tư xây dựng nhà máy TD Nậm Bùm 2 (28MW).
- Công ty con: **Công ty cổ phần Xây dựng S55** - Mã số thuế: 6200112833
- Địa chỉ trụ sở chính: Bản Nà Hừ 2, xã Bùm Nưa, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, thủy điện.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 98%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 98%.
- Tình trạng hoạt động: Đang thi công xây lắp Thủy điện Phú Tân 2 (93MW).
- Công ty liên kết: **Công ty CP Thủy điện Sông Ông** - Mã số thuế: 4500243079
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn La Vang, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Vốn điều lệ: 74.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 33,76%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 33,76%.
- Tình trạng hoạt động: Đang quản lý vận hành nhà máy TD Sông Ông (8,1MW)

4. Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm tiếp theo:

- Tập trung cho công tác đầu tư. Việc quản lý vận hành giao lại cho Công ty con thực hiện.
- Tìm các biện pháp, đơn đốc thu hồi các khoản công nợ tồn đọng, ngăn ngừa rủi ro.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trong lĩnh vực năng lượng và duy trì.
- Đảm bảo SXKD có hiệu quả.
- Phân đầu thu nhập bình quân của CBCNV đạt từ 12 đến 15 triệu đồng /người/tháng.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Vì mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội, Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tôn trọng các cam kết với đối tác trong việc tuân thủ hành động để bảo tồn và phát triển cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Các nhà máy thủy điện chịu ảnh hưởng của thời tiết thất thường dẫn đến doanh thu phát điện không ổn định, mưa lũ gây ra những tổn thất đối với một số hạng mục.
- Điều kiện tiếp cận các gói thầu thi công/đầu tư dự án thủy điện ngày càng hạn chế về điều kiện triển khai các dự án trong nước và tính chất cạnh tranh khắc nghiệt, giá thấp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, rủi ro khi chủ đầu tư nợ đọng vốn.
- Giá cả các loại nguyên nhiên, vật liệu đầu vào không ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD.
- Chính sách tiền tệ thiếu tính ổn định, doanh nghiệp có thể khó tiếp cận vốn hoặc phải vay với lãi suất cao khi mở rộng SXKD.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Doanh thu, sản lượng tại Công ty và hợp nhất đều tăng so với năm 2021, nhưng so với kế hoạch thì Báo cáo hợp nhất các Công ty con, Công ty liên kết không đạt.

- Năm 2022 công tác tìm kiếm công việc mới mở rộng đầu tư và gói thầu gặp nhiều khó khăn trong điều kiện cạnh tranh, giá thấp, các điều kiện thực hiện hợp đồng nguy cơ rủi ro...

- Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu năm 2022:

+ Trong năm Công ty tiếp cận một số dự án, gói thầu nhưng khi đàm phán xét thấy hiệu quả thấp và rủi ro nên không đầu tư và ký kết thêm hợp đồng mới.

+ Công nợ tại các dự án thủy điện do TCT Sông Đà làm tổng thầu chiếm tỷ trọng lớn, việc thu hồi gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD và quyết định cơ hội đầu tư.

+ Nhìn tổng quan trong năm qua phát sinh nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ tồn đọng cũng như việc tìm kiếm công việc gói thầu.

Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí, ... đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2022:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Tại Công ty mẹ			Hợp nhất		
			KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ	KH 2022	TH 2022	Tỷ lệ
1	Doanh thu, thu nhập khác	10 ⁶ đ	114.562	191.136	167%	1.193.740	972.613	81%
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	8.661	4.438	51%	83.787	53.507	64%
3	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	100.000	100.000	100%	100.000	100.000	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	32.457	60.278	186%	115.880	93.617	81%
5	Cổ tức dự kiến	%	10	10	100%			

- Doanh thu tại Công ty mẹ đạt 167%, hợp nhất đạt 80% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu:

+ Tại Công ty mẹ: Thực hiện quyết toán xong tại Công trình thủy điện Chư Pông Krông và quyết toán hợp đồng số 01 Công trình thủy điện Phú Tân 2 và nhận được chi trả cổ tức đợt 1,2 năm 2022 của Công ty CP Thủy điện Bắc Nà và tiền tạm ứng cổ tức của Công ty CP đầu tư Anzen, Ehula.

- Tại Công ty hợp nhất: do lượng nước tại Nậm Bùm 1 thuộc Công ty cổ phần Ehula ít và cuối năm phải tạm dừng phát điện để sửa chữa hầm dẫn nước dẫn đến doanh thu phát điện tại đây giảm.

- Công tác thu hồi vốn:

+ Đối với các công nợ do Tổng công ty Sông Đà làm Tổng thầu xây lắp ngoài DA thủy điện Xekaman 3, Công ty đã thu hồi hết công nợ. Riêng DA Xekaman 3 đang làm việc với Tổng thầu và Chủ đầu tư để tìm ra Phương án giải quyết.

+ Các công nợ đến từ các đơn vị ngoài TCT Sông Đà như DA Chư Pông Krông, Bắc Cuông, Khánh Khê, Phú Tân 2 đã quyết toán xong, đối chiếu hàng kỳ và tiếp tục thu nợ.

+ Công nợ tại DA Đại Bình, Đa Zâng chưa có nhiều tiến triển nhiều (Đại Bình thu được 350 triệu) do sự thiếu hợp tác từ Chủ đầu tư và Tổng thầu.

- Lợi nhuận 60.278 tỷ chủ yếu từ thu nhập hoạt động tài chính, đầu tư tài chính và lợi nhuận từ việc quyết toán CTTĐ Chi Khê, Chư Pông Krông, Phú Tân 2 đợt 01.

- Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022: Dự kiến 10% bằng tiền.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP
1	ĐẶNG QUANG ĐẠT	12/03/1962	Kỹ sư xây dựng ngầm	Giám đốc	08/2004	15,34%
2	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	19/10/1960	Kỹ sư Thủy lợi	Phó giám đốc	05/2015	0,05%
3	LÊ VĂN KHÁNH	14/04/1979	Kỹ sư điện	Phó giám đốc	10/2020	0,00%
4	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	14/07/1985	Cử nhân Tài chính kế toán	Kế toán trưởng	10/2021	0,00%

b) Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số CBCNV			Ghi chú
		Gián tiếp	LĐ trực tiếp	Tổng cộng	
1	Công ty mẹ	30	87	117	
	Cộng	30	87	117	

• Chính sách đối với người lao động:

- Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo qui mô.

- Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo quy chế trả lương và kế hoạch tiền lương tại từng Nhà máy

- Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những cá nhân không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền SX, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

- Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư năm 2022:

- Trong năm Công ty không thực hiện góp vốn vào Công ty nào.

- Các khoản góp vốn đầu tư trong những năm qua đều là đầu tư vào đơn vị sở hữu các DA thủy điện đã hoàn thành phát điện, kết quả đạt được trong năm như sau:

DVT: Tỷ đồng

TT	Đơn vị đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư		Doanh thu	Lợi nhuận	Cổ tức dự kiến
			Số tiền	Tỷ lệ			
1	Công ty CP điện Bắc Nà	155,00	79,30	51,16%	92,36	35,11	5-7%
2	Công ty cổ phần Ehula	380,00	285,00	75,00%	177,80	49,33	5-7%
3	Công ty CP TB Sông Ông	74,00	24,98	33,76%	49,34	31,22	30%
4	Công ty CP đầu tư Anzen	107,25	20,00	18,60%	123,72	49,24	40%
5	Công ty CP xây dựng S55	20,00	19,60	98,00%	612,05	-8,27	
	Tổng cộng	736,25	428,88	58,25%	1.055,27	156,63	

Trong năm doanh thu của các nhà máy tại các đơn vị do Công ty tự đầu tư cơ bản đều đạt mục tiêu kế hoạch đề ra:

Dự kiến mức chia cổ tức tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông là 30%, Công ty cổ phần đầu tư AnZen là 40%, Công ty cổ phần điện Bắc Nà và Ehula 5÷7%, Còn Xây dựng S55 không thực hiện chi trả cổ tức. Việc chi trả cổ tức năm 2022 chính thức sẽ do ĐHCĐ của mỗi đơn vị đầu tư quyết định.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty nắm giữ 51,16% cổ phần tại Công ty cổ phần điện Bắc Nà hiện đang quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Nà và TĐ Bắc Nà 1 với tổng công suất 19,8 MW; Nắm giữ 75% cổ phần tại Công ty cổ phần Ehula đang quản lý vận hành Nhà máy TĐ Nậm Bùm 1 với công suất 16MW và Nhà máy TĐ Nậm Bùm 2 với công suất 28 MW và Công ty cổ phần xây dựng S55 thực hiện thi công xây lắp.

- Công ty liên kết: Công ty nắm giữ 33,8% tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Ông hiện đang quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Sông Ông với công suất 8,1MW và đầu tư 40% vào nhà máy TĐ Nậm Mu 2.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

• **Công ty mẹ:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	700.832.151	737.252.942	105,20%
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	322.878.238	142.456.211	44,12%
3	LN từ hoạt động KD	10 ³ đ	52.830.111	67.068.286	126,95%
4	Lợi nhuận khác	10 ³ đ	7.544.214	-621.879	-8,24%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	60.374.326	66.446.406	110,06%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	50.004.713	60.278.247	120,55%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	10%	10%	100,00%

• **Hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	1.800.139.412	1.929.992.058	107,21%
2	Doanh thu thuần	10 ³ đ	426.290.576	949.298.480	222,69%
3	LN từ hoạt động KD	10 ³ đ	64.378.361	135.348.213	210,24%
4	Lợi nhuận khác	10 ³ đ	74.139	-1.966.419	-2652%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	64.452.501	133.381.794	206,95%
6	Lợi nhuận sau thuế	10 ³ đ	57.670.227	124.510.258	215,90%
7	Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	10	10	100,00%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

• **Công ty mẹ:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,7	2,10	
-	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,2	2,09	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,21	0,18	
-	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,23	

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,3	3,53	
-	D.thu thuần/Tổng tài sản	0,46	0,19	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,5%	42,31%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	9,1%	10,02%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,1%	8,18%	

• **Hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,2	1,37	
-	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,9	0,95	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,6	0,58	
-	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,54	1,38	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,7	5,59	
-	D.thu thuần/Tổng tài sản	0,24	0,19	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,5%	13,12%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	8,1%	15,43%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,2%	6,48%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần được phép phát hành	10.000.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	10.000.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
2	Số lượng cổ phiếu quỹ		
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do		
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
3	Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.000.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	10.000.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

b) Cơ cấu cổ đông:

T T	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cổ đông trong nước	2.572.593	25,73 %	7.380.057	73,80 %	9.952.650	99,53%
-	Cổ đông nhà nước						
-	Cổ đông lớn	2.466.914	24,67 %	2.051.006	20,51 %	4.517.920	45,18%

T T	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
-	Cổ đông khác	105.679	1,06%	5.329.051	53,29%	5.434.730	54,35%
-	Cổ phiếu quỹ						
2	Cổ đông nước ngoài	201	0,00%	47.149	0,47%	47.350	0,47%
-	Cổ đông lớn						
-	Cổ đông khác	201	0,00%	47.149	0,47%	47.350	0,47%
	Cộng	2.572.794	25,73%	7.427.206	74,27%	10.000.000	100,0%

* Nguồn dữ liệu lấy theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp chốt tại ngày 12/01/2023.

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không thay đổi

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không phát sinh

e) *Các chứng khoán khác:* Không phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn tổng quan trong năm qua phát sinh nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm công việc gối đầu nhưng cơ bản các khoản đầu tư đều đã mang lại lợi nhuận. Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình quản lý điều hành, tiết kiệm chi phí đã hoàn thành được mục tiêu lợi nhuận đề ra.

• Một số điểm đạt được trong năm:

- Vận hành tại các nhà máy liên tục, đảm bảo công suất và hiệu quả kinh doanh.
- Đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên khoảng trên 100 người lao động.
- Việc thu hồi một số khoản nợ chưa đạt mục tiêu nhưng đã đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm cơ bản số dư nợ vay và chi phí tài chính so với năm trước.
- Mức lợi nhuận đạt kế hoạch đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và duy trì lợi ích của các cổ đông.

2. Tình hình tài chính

a) *Tình hình tài sản :* Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 tăng so với cùng kỳ năm trước: 737/700 tỷ, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Mặc dù hàng tồn kho giảm 61.5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các công trình TĐ Nậm Bùm 2, Chi Khê và công trình TĐ Chư Pông Krông đã hoàn thành quyết toán. Tuy nhiên mức giảm vẫn thấp hơn so với mức tăng ở một số chỉ tiêu khác như:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 9,7 tỷ đồng (15,78/6.06) so với cùng kỳ năm trước do tiền gửi ngắn hạn tăng 10,15 tỷ đồng.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng 65,37 tỷ đồng (151,02/85,65) so với cùng kỳ năm trước do tăng tiền gửi có kỳ hạn.

- Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tăng 39,18 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

b) *Tình hình nợ phải trả:* Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là: 135,7 tỷ đồng; giảm: 13,9 tỷ đồng. Trong đó phải trả người bán ngắn hạn giảm 42,65 tỷ, người mua trả tiền trước giảm 20,8 tỷ, Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 17,2 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do các công trình xây lắp đã hoàn thành quyết toán, chưa có phát sinh hợp đồng mới. Tuy nhiên vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 57,8 tỷ, các khoản vay chủ yếu là huy động của CBCNV, vay các công ty liên kết để phục vụ nhu cầu SXKD. Công ty đảm bảo đủ nguồn để thực hiện chi trả đúng hạn.

- Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước: Tăng 9,2 tỷ chủ yếu là thuế TNDN năm 2022, Công ty đảm bảo khả năng nộp ngân sách đúng kỳ hạn theo quy định.

c) **Khoản phải trả khác:** 367 triệu đồng là khoản khách hàng đặt cọc hợp đồng cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Sông Đà, hợp đồng thuê là 02 năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về cơ cấu tổ chức: Mục tiêu của Công ty là thu gọn cấp quản lý trung gian nhằm giảm thiểu chi phí trung gian, tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; kiểm soát rủi ro và thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch; Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Công ty; cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả, thắt chặt công tác quản lý nội bộ trong việc kiểm soát, quản lý theo từng hợp đồng kịp thời ngăn ngừa các yếu tố gây thất thoát.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Cơ cấu lại ngành nghề: Tập trung vào Công tác đầu tư

- Giao việc quản lý vận hành các nhà máy điện cho Công ty con thực hiện.

- Đầu tư dài hạn: Chỉ đạo và phối hợp cùng các cổ đông khác khai thác lợi thế, thực hiện cơ chế quản lý chặt chẽ tại các con và công ty liên kết nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án Thủy điện khi xét thấy hiệu quả và phù hợp với khả năng tài chính của Công ty tại thời điểm đầu tư.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Chấp thuận với ý kiến và số liệu kiểm toán, cam kết về tính minh bạch về các số liệu báo cáo và các tài liệu cung cấp cho đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Trong năm qua HĐQT tổ chức họp trực tiếp 04 lần và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản xem xét một số đề xuất do Giám đốc điều hành trình đề kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ đồng thời thống nhất các giải pháp trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời. Cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD và đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh, thống nhất thông qua 04 nghị quyết kèm theo các quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết đã được trình bày trong báo cáo quản trị năm 2022 công bố thông tin theo quy định.

- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở kế hoạch SXKD và đầu tư đã được HĐQT phê duyệt, Giám đốc điều hành chủ động tổ chức thi công các hợp đồng đã ký đảm bảo tiến độ đã đề ra.

- Về quản lý các khoản đầu tư: Công ty tiếp tục gia hạn các hợp đồng đã ký về việc Quản lý vận hành các nhà máy của những đơn vị mà công ty tham gia góp vốn. Trong năm qua tất cả các Nhà máy (thuộc Công ty con, công ty liên kết) thiết bị hoạt động ổn định, công suất của nhà máy được phát huy tối đa trong điều kiện cho phép.

- Trong sử dụng nguồn lực: Không đầu tư mua sắm mới. Tận dụng tối đa công suất và hiệu quả nguồn lực sẵn có.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty luôn bám sát các mục tiêu SXKD đã đề ra, cơ bản thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, luôn cân đối sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ và các qui định của pháp luật. Tuy nhiên do những yếu tố khách quan trong năm Ban giám đốc chưa tìm kiếm thêm các dự án mới để gởi đầu cho kế hoạch năm sau.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2023 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua.
- Nhận chuyển nhượng phần vốn sở hữu tại Công ty TNHH MTV ANI SH để đáp ứng điều kiện Quản lý vận hành các Nhà máy điện.
- Cơ cấu Công ty phát triển tập trung theo 01 mảng là đầu tư.
- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD và đầu tư để có những chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn.
- Thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết, phối hợp cùng các cổ đông khác thực hiện quyền của mình theo pháp luật và theo tỷ lệ góp vốn trong việc quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm tăng lợi ích đối với phần vốn đầu tư của Công ty.
- Tìm các biện pháp, đôn đốc thu hồi các khoản công nợ tồn đọng, ngăn ngừa rủi ro.
- Duy trì hệ thống quản lý và cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Tất Thành	Chủ tịch	1986	Ths. Tài chính	0,40%
2	Đặng Quang Đạt	Phó Chủ tịch	1962	Kỹ sư XD ngầm	15,34%
3	Nguyễn Đình Phương	Thành viên	1962	Kỹ sư thủy lợi	0,05%
4	Đặng Văn Tuyển	Thành viên	1971	Kỹ sư XD	10,22%
5	Vũ Sơn Thủy	Thành viên	1977	Cử nhân TC-KT	0,00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không có tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT năm 2021: 04 cuộc họp trực tiếp với sự có mặt đầy đủ của các thành viên. Ngoài ra tất cả các nghị quyết đều tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT trước khi thông qua.

- Các nghị quyết được thông qua của Hội đồng quản trị:

T	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	11/NQ-S55-HĐQT	16/02/22	Cử người tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 tại các Công ty con, liên kết và Công ty có phần vốn góp của Sông Đà 505
2	43/NQ-S55-HĐQT	13/05/22	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
3	47/NQ-S55-HĐQT	13/05/22	Phê duyệt nội dung cam kết theo hợp đồng cấp tín dụng số 017/22/02/0118 ngày 15/04/2022 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn
4	65/NQ-S55-HĐQT	01/07/22	Thông qua quy định về huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công ty để phục vụ nhu cầu SXKD

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 01 thành viên HĐQT không tham gia điều hành thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phù hợp với chuyên môn và qui chế hoạt động của HĐQT, bên cạnh đó thành viên này thực hiện chức năng vai trò độc lập đại diện cho quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện ý kiến trong các cuộc họp HĐQT.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban	1981	Cử nhân TC-KT	0,0%
2	Nguyễn Đức Mỹ	Thành viên	1984	Kỹ sư	0,0%
3	Đinh Thị Trang Nhung	Thành viên	1983	Cử nhân kinh tế	0,0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, ngay đầu năm 2022 Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch, khách quan, tuân thủ các qui định của pháp luật và qui định của công ty; định kỳ thẩm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty,....

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực.

- HĐQT, Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 để điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến.

- Các khoản mục đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp sở hữu dự án thủy điện đã đi vào hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả bao gồm: Công ty CP Điện Bắc Nà, Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Ông, Công ty CP Đầu tư AnZen, Công ty cổ phần Ehula, Công ty cổ phần Xây dựng S55.

- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về bầu biểu của chế độ kế toán hiện hành.

- Công tác báo cáo, công bố thông tin tài chính định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết

- Tính đến 31/12/2022 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022.

- Tổng tài sản đến 31/12/2022 đạt 737.252 triệu đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn đạt 284.145 triệu đồng chiếm 38,5%, Tài sản dài hạn là 453.107 triệu đồng chiếm 61,5% Tổng tài sản. Trong tài sản ngắn hạn, Công ty có lượng tiền và tương đương tiền khá tốt có thể chủ động cho hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu được rà soát, đánh giá và trích lập dự phòng đúng quy định.

- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2022 là 737.252 triệu đồng, trong đó nợ phải trả là 135.760 triệu đồng, chiếm 18,4% tổng nguồn vốn, đây là mức hệ số nợ khá an toàn và lành mạnh.

- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu hoạt động, chỉ tiêu hiệu quả tại 31/12/2022 cho thấy Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, vòng quay vốn hợp lý, hiệu quả hoạt động khá tốt.

- Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 04 Nghị quyết phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, được các thành viên nhất trí cao, đồng thời được Ban điều hành tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và có hiệu quả.

- Hội đồng quản trị đã bám sát và tích cực chỉ đạo Ban GD điều hành để triển khai thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đều tổ chức họp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch cho quý tiếp theo.

3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Tổng cộng
1	Đặng Tất Thành	Chủ tịch HĐQT	120.000.000		120.000.000
2	Đặng Quang Đạt	P. CT kiêm GD	120.000.000	421.981.000	541.981.000
3	Vũ Sơn Thủy	TV. HĐQT	96.000.000	279.890.000	375.890.000
4	Nguyễn Đình Phương	TV kiêm PGD	96.000.000	346.367.000	442.367.000
5	Đặng Văn Tuyền	TV HĐQT	96.000.000		96.000.000
6	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	TB. kiểm soát	72.000.000		72.000.000
7	Đinh Thị Trang Nhung	TV B.kiểm soát	48.000.000	155.008.000	203.008.000
8	Nguyễn Đức Mỹ	TV B.kiểm soát	48.000.000	306.327.000	354.327.000
	Tổng cộng		696.000.000	1.509.573.000	2.205.573.000

Trên đây là thu nhập tiền lương, tiền thù lao thuộc trách nhiệm của Sông Đà 505 chi trả, đã bao gồm phần thu nhập tham gia điều hành tại Công ty con, công ty liên kết.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh*

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Chi tiết tại Phụ lục 01*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện kịp thời.*

VI. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022

1. **Ý kiến kiểm toán:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất được kiểm toán:** Toàn văn báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất xem tại báo cáo kiểm toán đã công bố.



Đặng Quang Đạt

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN
Kèm theo Báo cáo thường niên năm 2022

		Mối quan hệ	
Công ty CP Điện Bắc Nà		Công ty con	
Công ty CP Ehula		Công ty con	
Công ty CP Xây dựng S55		Công ty con	
Công ty CP Thủy điện Sông Ông		Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư Anzen		Công ty liên quan của Giám đốc	
Công ty CP Ani		Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT	
Công ty CP Ani Power		Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT	
Ông Đặng Quang Đạt		Giám đốc	
Ông Vũ Sơn Thủy		Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Thị Hương		Người có liên quan với GD Công ty	
Các giao dịch trong yếu			
	Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Công ty CP Điện Bắc Nà	Doanh thu xây lắp	-	3.162.021.450
	Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành	-	934.000.000
	Cho vay	-	1.900.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	-	1.900.000.000
	Lãi cho vay	-	13.736.438
	Bán vật tư, CCDC	-	42.575.691
	Vay	-	5.000.000.000
	Trả nợ gốc vay	-	5.000.000.000
	Lãi vay	-	11.023.835
	Công ty CP Ehula	Doanh thu xây lắp	42.297.309.142
Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành		6.268.027.372	3.879.000.000
Thuê xe ô tô		110.774.411	218.181.816
Bán vật tư, CCDC		-	1.910.663.984
Vay		129.828.913.994	-
Trả nợ gốc vay		114.342.959.760	-
Lãi vay		747.994.438	-
Bán CCDC, thanh lý TSCĐ đã qua sử dụng		-	11.965.045.887
Công ty CP Xây dựng S55	Bên cung cấp dịch vụ xây lắp, thi công công trình	31.947.631	110.186.075.878
	Doanh thu dịch vụ nổ mìn	1.604.285.850	3.838.724.382
	Cho vay	153.359.184.787	-
	Thu hồi tiền cho vay	114.172.098.490	-
	Lãi cho vay	2.469.248.890	-
	Trả tiền vay	11.400.000.000	-

162
Y
N
A
ALP

	Lãi vay	86.393.425	7.808.219
	Vay	-	11.400.000.000
	Lãi vay	-	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Doanh thu dịch vụ quản lý	6.287.003.079	6.097.143.121
	Nhận cổ tức	7.494.000.000	4.496.400.000
	Lãi cho vay	242.204.109	341.370
	Nhận tiền vay	6.958.212.329	-
	Trả tiền vay	6.958.212.329	-
	Lãi vay	44.038.356	-
	Cho vay	31.700.000.000	350.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	31.700.000.000	350.000.000
Công ty CP Đầu tư Anzen	Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành	7.223.532.365	2.362.302.462
	Lãi cho vay	-	5.261.972
	Bán vật tư, CCDC	-	5.850.000
	Lãi vay	91.032.604	3.101.096
	Thu hồi tiền cho vay	-	4.316.000.000
	Vay	24.100.000.000	2.700.000.000
	Trả nợ gốc vay	19.200.000.000	2.700.000.000
	Nhận cổ tức	6.400.000.000	4.600.000.000

	Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Công ty CP Anì	Bán CCDC, thanh lý TSCĐ	-	8.564.909.695
	Cho vay	3.500.000.000	10.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	3.500.000.000	10.000.000.000
	Lãi cho vay	42.345.205	17.068.493
	Cung cấp dịch vụ xây lắp, thi công công trình	-	622.886.100
	Thuê xe ô tô	554.713.801	318.181.815
	Mua nhiên liệu, vật tư	-	220.624.000
	Cho thuê xe ô tô	41.666.667	-
Công ty CP Anì Power	Trả lại tiền ứng trước	20.000.000.000	-
	Doanh thu xây lắp	35.530.785.189	-
	Doanh thu dịch vụ xây dựng bộ máy nhân sự	1.740.492.800	-
Ông Đặng Quang Đạt	Nhận tiền vay	152.377.000.000	39.130.000.000
	Trả tiền vay	86.776.000.000	31.030.000.000
	Lãi vay	1.107.641.477	493.242.518
	Lãi nhận tiền ủy thác đầu tư	-	1.001.917.808
	Chuyển lại vốn nhận ủy thác đầu tư	-	37.750.000.000
Ông Vũ Sơn Thủy	Vay	-	1.700.000.000
	Trả tiền vay	1.700.000.000	-
	Lãi vay	37.476.848	71.236.987
	Lãi nhận tiền ủy thác đầu tư	-	214.323.288
	Chuyển lại vốn nhận ủy thác đầu tư	-	8.300.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Vay	8.100.000.000	-
	Trả tiền vay	8.100.000.000	-
	Lãi vay	37.879.453	-

Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Điện Bắc Nà	Phải thu về cổ tức được chia	1.983.234.000	-
Công ty CP Ehula	Phải thu khách hàng	-	32.956.476.769
	Vay và nợ thuê tài chính	15.485.954.234	-
Công ty CP Xây dựng S55	Phải thu khách hàng	-	304.512.336
	Phải trả người bán	-	35.799.547.115
	Vay và nợ thuê tài chính	-	11.400.000.000
	Chi phí phải trả	2.487.922.095	7.808.219
	Phải thu về cho vay	39.187.086.297	-
Công ty CP Đầu tư Anzen	Phải thu khách hàng	765.027.892	538.068.789
	Vay và nợ thuê tài chính	7.000.000.000	2.100.000.000
	Chi phí phải trả	2.493.151	3.101.096
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Phải thu khách hàng	221.888.414	47.953.276
	Người mua trả tiền trước	1.550.000.000	-
Công ty CP Ani	Phải thu khách hàng	8.316.400.665	8.271.400.665
	Phải trả người bán	50.000.000	-
Công ty CP Ani Power	Người mua trả tiền trước	-	20.000.000.000
	Phải thu khách hàng	32.799.727.338	-
Ông Đặng Quang Đạt	Vay và nợ thuê tài chính	73.701.000.000	8.100.000.000
	Phải trả khác	717.845.178	84.044.108
Ông Vũ Sơn Thủy	Vay và nợ thuê tài chính	-	1.700.000.000
	Phải trả khác	-	71.236.987

C.T.C.P.
*

